

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN YÊN THẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03/01/2025

V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Ngô Thế Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Chị N và anh Đ đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Thế Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Đ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, không chịu khó làm ăn, anh Đăng ham C dẫn đến vay nợ. Anh chị ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị yêu cầu ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Ngô Thế K, sinh ngày 09/11/2015 hiện đang ở cùng chị và cháu Ngô Bảo T, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu K, còn cháu T để anh Đ. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn là anh Ngô Thế Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Sau kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 chị N đi nước ngoài đã có quan hệ ngoại tình, ngoài ra anh chị không có mâu thuẫn gì. Cuối tháng 9/2024, chị N về nước đã về thẳng nhà đẻ ở xã H, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Thế K, sinh ngày 09/11/2015 hiện đang ở cùng chị và cháu Ngô Bảo T, sinh ngày 06/01/2018. Hiện tại cháu K đang ở với chị N còn cháu T đang ở với anh. Các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại phiên tòa:*

- Chị N giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày.

- Anh Đ đồng ý ly hôn chị N. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung vì cho rằng chị N ngoại tình và đang có thai với người khác nên không đủ tư cách đạo đức, không có điều kiện nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản, công nợ.

\* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh Đ. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế K. Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Bảo T. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ. Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T1 nộp đơn yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với anh Đặng cư T2 tại huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp ly hôn, con chung” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ:

Chị Vũ Thị N và anh Ngô Thế Đ tự nguyện kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày có khác nhau, theo chị N anh chị mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, không chịu khó làm ăn, anh Đặng ham C dẫn đến vay nợ, theo anh Đ là do chị N đi nước ngoài rồi có quan hệ ngoại tình nhưng đều dẫn đến anh chị đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị N yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế anh chị đã không còn chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh Đ đều thống nhất đồng thuận ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung là cháu Ngô Thế K, sinh ngày 09/11/2015 hiện đang ở cùng chị N và cháu Ngô Bảo T, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang ở với anh Đặng K1 ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K còn cháu T giao cho anh Đ tiếp tục nuôi, anh Đ yêu cầu nuôi cả hai cháu. Xét thấy: Cháu K có nguyện vọng ở cùng chị N, cháu T có nguyện vọng ở cùng anh N. Sức khỏe và học tập của các cháu đều bình thường. Anh Đ có công việc và thu nhập đủ nuôi con, chị N có khoản tiết kiệm đủ nuôi con. Anh Đ cho rằng chị N đang có thai nên không có tư cách và không có điều kiện chăm sóc cháu K là không có căn cứ, hơn nữa cháu K nay đã 09 tuổi không cần sự chăm sóc như trẻ sơ sinh nữa, chị N hoàn toàn có thể nuôi dưỡng, dạy bảo cháu trưởng thành. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của anh Đ mà giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu K, còn cháu T giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, đảm bảo quyền được nuôi dưỡng con chung của hai bên, đồng thời việc giao mỗi cháu ở với

một người thì các cháu sẽ nhận được sự quan tâm chăm sóc đầy đủ của người trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Ngô Thế Đặng .

2. Về con chung:

- Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Thế K, sinh ngày 09/11/2015.

- Giao cho anh Ngô Thế Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Bảo T, sinh ngày 06/01/2018.

- Sau khi ly hôn, chị N và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị N và anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp tại biên lai thu số 0005145 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng